

Bản án số: **498/2024/DS-PT**  
Ngày: 30-8.-2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Lợi

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Tôn

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/8/2024 và ngày 30/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 301/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 451/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Đoàn Văn H1, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**4. Người kháng cáo:** Anh Đoàn Văn H1 là bị đơn và chị Nguyễn Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:** Từ năm 2018 đến tháng 10 năm 2020, ông H có bán thức ăn thủy sản cho anh Đoàn Văn H1 theo Hóa đơn xác nhận nợ ngày 29/11/2020 thì ông H1 còn nợ ông H số tiền thức ăn của cửa hàng ông H là 2.207.770.000 đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) và có cam kết trả cho ông H số tiền trên nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H1 và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền mua thức ăn còn nợ 2.207.770.000 đồng, ông H không yêu cầu tính lãi.

- **Bị đơn anh Đoàn Văn H1 trình bày:** Vào khoảng năm 2016, anh H1 có mua thức ăn của ông Nguyễn Văn H nhiều lần, mỗi lần mua thức ăn có trả tiền, có lần mua trả tiền không đầy đủ, còn nợ lại một ít. Đến tháng 5/2020, hai bên chấm dứt việc mua bán. Sau đó, anh H1 và ông H tổng kết, anh H1 còn nợ tiền mua thức ăn phải trả cho ông H là 500.000.000 đồng, anh H1 có viết biên nhận nợ cho ông H còn ngày tháng không nhớ. Sau ngày viết biên nhận, anh H1 đã trả xong cho ông H, hiện nay anh H1 không còn nợ tiền thức ăn gì của ông H.

Anh Đoàn Văn H1 không đồng ý theo yêu cầu của ông H.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh T trình bày:** Thừa nhận giữa ông H và anh H1 có thỏa thuận việc mua bán thức ăn với nhau, anh H1 mua thức ăn của ông H để nuôi ếch và nuôi cá. Trong quá trình mua bán do hai bên trao đổi, giao dịch ông H giao hàng anh H1 nhận, có khi lính của anh H1 nhận. Bán cá và ếch xong thì anh H1 nói mang tiền trả cho ông H, còn trả hay không chị T không biết. Tiền thu nhập từ việc nuôi cá, ếch anh H1 có đưa cho chị T một phần nào thôi, để trang trải cuộc sống và nuôi con ăn học. Mặc dù, chị T và anh H1 sống chung nhà nhưng đã ly thân nhau 4 năm, chị T đang nộp Đơn xin ly hôn nhưng chưa được Tòa án huyện T mời.

Chị Nguyễn Thanh T không có liên quan vì việc mua bán thức ăn do anh H1 và ông H giao dịch. Chị T không đồng ý cùng anh H1 trả tiền cho ông H.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc anh Đoàn Văn H1 và chị Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền mua thức ăn còn nợ 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu anh Đoàn Văn H1 và Nguyễn Thanh T trả số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ 1.707.770.000đ (Một tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Đoàn Văn H1 và chị Nguyễn Thanh T nộp 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H nộp 63.233.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Được khấu trừ 38.080.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000941 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Ông H nộp tiếp 25.153.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2024 anh Đoàn Văn H1 và chị Nguyễn Thanh T không đồng ý, nên đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn anh Đoàn Văn H1 trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của anh H1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Bởi vì, anh H1 chỉ giao dịch mua thức ăn thủy sản của ông H đến năm 2020 thì nghỉ, khi đó ông H quyết toán anh H chỉ còn nợ 500.000.000 đồng nhưng anh H1 đã trả xong cho ông H. Anh H1 nghĩ là không còn nợ gì ông H, chỉ đến khi ông H khởi kiện anh H1 ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười anh H1 mới hay. Anh H1 không thống nhất bản án sơ thẩm, không thống nhất trả cho ông H 500.000.000 đồng vì anh H1 đã trả xong cho ông H rồi từ năm 2020. Nếu không trả thì ông H đã tranh chấp lâu rồi mà đợi đến sau này mới khởi kiện là không phù hợp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh T trình bày: Vợ chồng chị T và anh H1 có mua thức ăn thủy sản của ông H năm 2020, đã quyết toán và đã trả xong nợ cho ông H trong năm 2020, do đã kết thúc việc làm ăn mua bán với nhau nên không còn nợ gì ông H. Chị T yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của chị T không buộc chị T liên đới cùng anh H1 trả nợ cho ông H như bản án sơ thẩm đã tuyên, do thời điểm anh H1 mua thức ăn thủy sản của ông H thì giữa chị và anh H1 đã mâu thuẫn ly thân không chung

sống với nhau, đến nay chị T và anh H1 đã ly hôn và có quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của anh H1 và chị T, vì thực tế ông H có bán thức ăn thủy sản cho anh H1, theo Hóa đơn xác nhận nợ ngày 29/11/2020 thì ông H1 còn nợ ông H số tiền thức ăn thủy sản là 2.207.770.000 đồng. Thời điểm ông bán thức ăn cho anh H1 thì chị T vẫn đang chung sống với anh H1 và có nhận thức ăn thủy sản thay cho anh H1 khi nhân viên của ông H giao hàng. Đối với bản án sơ thẩm thì ông H không có kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của anh Đoàn Văn H1 và chị Nguyễn Thanh T thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Văn H1, chị Nguyễn Thanh T; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 428/PB-VKS-DS ngày 30/8/2024).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc anh Đoàn Văn H1, chị Nguyễn Thanh T nộp đơn kháng cáo vào ngày 23/5/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H cho rằng từ năm 2018 đến tháng 10 năm 2020, ông H có bán thức ăn thủy sản cho anh Đoàn Văn H1, theo Hóa đơn xác nhận nợ ngày 29/11/2020 thì anh H1 còn nợ ông H số tiền thức ăn của ông H là 2.207.770.000 đồng và có cam kết trả cho ông H số tiền trên

nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H1 và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền mua thức ăn còn nợ là 2.207.770.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn anh Đoàn Văn H1 cho rằng vào khoảng năm 2016, anh H1 có mua thức ăn thủy sản của ông H nhiều lần. Đến tháng 5/2020, hai bên chấm dứt việc mua bán thì anh H1 và ông H tổng kết, anh H1 còn nợ tiền mua thức ăn của ông H là 500.000.000 đồng, anh H1 có viết biên nhận nợ cho ông H, sau đó anh H1 đã trả xong, không còn nợ tiền thức ăn gì của ông H, nên không thống nhất với yêu cầu của ông H. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh T cho rằng anh H1 mua thức ăn của ông H để nuôi ếch và nuôi cá. Trong quá trình mua bán do hai bên trao đổi, giao dịch với nhau chị T không biết. Tiền thu nhập từ việc nuôi cá, ếch thì anh H1 có đưa cho chị T một phần, để trang trải cuộc sống và nuôi con ăn học. Chị T đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1 và đã được Tòa án giải quyết xong. Chị T không thống nhất yêu cầu ông H buộc chị T liên đới cùng anh H1 trả nợ tiền thức ăn thủy sản cho ông H. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, buộc anh Đoàn Văn H1 và chị Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua thức ăn còn nợ 500.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu anh H1 và T trả số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ 1.707.770.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ như sau:

- Việc ông H và anh H1 có thỏa thuận hợp đồng mua bán với nhau là có thật đã được ông H, anh H1 và chị T thừa nhận. Việc ông H cho rằng anh H1 còn nợ tiền thức ăn thủy sản là 2.207.770.000 đồng, nhưng ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác việc này không được anh H1 và chị T thừa nhận, mà theo anh H1 trình bày tính đến tháng 5/2020, hai bên đã chấm dứt việc mua bán, anh H1 chỉ còn nợ tiền mua thức ăn của ông H là 500.000.000 đồng, sau đó anh H1 đã trả xong cho ông H nhưng anh H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền 500.000.000 đồng cho ông H.

- Ông H thừa nhận vì do tin tưởng nhau, chủ yếu là chữ tín nên ông H không buộc anh H1 ký nhận nợ sau khi đã giao hàng và xác nhận nợ. Theo lời khai của những người làm chứng như ông Nguyễn Hoàng M, ông Văn Văn L, ông Văn Văn C và ông Nguyễn Hồng T1 là những người làm thuê cho ông H đều trình bày là có giao hàng, bốc xếp hàng tới chỗ anh H1 nhiều lần, có đưa hóa đơn cho anh H1 nhưng không có ký nhận mà để cho ông H và anh H1 tự tính toán, biết anh H1 còn nợ tiền nhưng không biết cụ thể bao nhiêu. Còn những người là khách hàng của ông H như ông Trần Văn T2, ông Nguyễn Văn T3, ông Phan Văn Ú đều trình bày là cách thức mua hàng là qua điện thoại, ông H cho người đến giao hàng xong và đưa hóa đơn cho người mua chứ không có ký nhận, còn S ghi bán hàng cho anh H1 do ông H tự viết, tự chốt sổ chứ không có chữ ký của anh H1 và những

người làm chứng cũng không biết rõ số tiền anh H1 còn nợ lại bao nhiêu. Đối với đoạn ghi âm, ông H giao nộp cho Tòa án là do ông H chủ động gọi nhằm mục đích nhắc việc anh H1 còn nợ tiền mua thức ăn, trong đoạn ghi âm ông H có nhắc số nợ 2 tỷ mấy nhưng anh H1 không phản hồi lại là có đồng ý với khoản nợ này không mà chuyển chủ đề sang chuyện khác. Cho thấy không đủ cơ sở chứng minh số tiền anh H1 còn nợ ông H tới số tiền 2.207.770.000 đồng. Ngược lại, anh H1 chỉ thừa nhận còn nợ ông H số tiền 500.000.000 đồng và đã trả xong nhưng anh H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào đã trả tiền cho ông H 500.000.000 đồng, nên có cơ sở xác định anh H1 còn nợ ông H số tiền 500.000.000 đồng mà không phải là 2.207.770.000 đồng.

- Xét lời trình bày của chị T là không phù hợp vì thời điểm anh H1 và ông H thỏa thuận mua bán thức ăn thủy sản năm 2018 và kết thúc việc mua bán ngày 29/11/2020 thì chị T và anh H1 là vợ chồng, vẫn sinh hoạt chung gia đình và có nhận tiền của anh H1 từ việc nuôi cá, ếch để phục vụ mục đích kinh tế và nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình. Ngoài ra, chị T có biết anh H1 còn nợ ông H nhưng không biết nợ số tiền chính xác là bao nhiêu, nên Tòa án sơ thẩm buộc chị T có trách nhiệm liên đới cùng anh H1 trả cho ông H số tiền 500.000.000 đồng là có căn cứ.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, do chị T là vợ của anh H1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng (QSD) đất cho anh Nguyễn Thanh Đ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông H có làm Đơn yêu cầu áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*" là QSD đất do chị T đứng tên. Xét yêu cầu của ông H là có căn cứ và cần thiết để bảo đảm việc thi hành án, nên Tòa án sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/01/2024 phong tỏa diện tích 5.000m<sup>2</sup> thửa 193, tờ bản đồ số 8 (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính, chính quy diện tích 4.997,8m<sup>2</sup> thuộc thửa 279, tờ bản đồ số 01, loại đất lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho chị Nguyễn Thanh T ngày 12/4/2017, đất tọa lạc xã L, huyện T, Đồng Tháp để đảm bảo cho việc thi hành án sau này. Do anh H1 và chị T không có kháng cáo đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Tại phiên tòa anh Đoàn Văn H1, chị Nguyễn Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của anh H1 và chị T là không có đủ căn cứ, đồng thời anh H1 và chị T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Văn H1, chị Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của anh Đoàn Văn H1, chị Nguyễn Thanh T không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn Văn H1, chị Nguyễn Thanh T;

**2.** Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Đoàn Văn H1, chị Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H1 và chị T đã nộp mỗi người là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010650 và 0010651 cùng ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Ngô Tấn Lợi**

